

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đường bộ, Vật liệu xây dựng, Hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng: số 871/QĐ-BXD ngày 19/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; số 1771/QĐ-BXD ngày 17/10/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Vật liệu xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng; số 1813/QĐ-BXD ngày 20/10/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 260/TTr-SXD ngày 23/10/2025.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 04 thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải

quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa lĩnh vực Đường bộ, Vật liệu xây dựng, Hạ tầng kỹ thuật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Các thủ tục hành chính và quy trình nội bộ sau hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực.

**1.** Các thủ tục hành chính có số thứ tự 01 mục VIII và 01 mục X phần A tại Phụ lục I ban hành kèm theo Quyết định số 1346/QĐ-UBND ngày 14/7/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện tỉnh Lạng Sơn.

**2.** Thủ tục hành chính có số thứ tự 01 phần II tại Phụ lục I và quy trình nội bộ có số thứ tự 01 mục I phần B tại Phụ lục III kèm theo Quyết định số 1099/QĐ-UBND ngày 04/6/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, thay thế và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Kinh doanh bất động sản, Hạ tầng kỹ thuật đô thị thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, UBND cấp huyện tỉnh Lạng Sơn.

**3.** Các quy trình nội bộ có số thứ tự: 08 mục IV phần A tại Phụ lục I và số 01 mục VII phần A tại Phụ lục II kèm theo Quyết định số 2161/QĐ-UBND ngày 23/10/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp huyện tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC, Văn phòng Chính phủ;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP UBND tỉnh; Công TTĐT tỉnh;
- Phòng KTCN, TTTT, TTPVHCC;
- Lưu: VT, TTPVHCC (TTPL).

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Trần Thanh Nhân**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN**  
*(Kèm theo Quyết định số: 2310 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 10 năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)**

| Số TT | Mã số hồ sơ TTHC                            | Tên TTHC                                             | Thời hạn giải quyết | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                           | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                                                                                                              | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|-------|---------------------------------------------|------------------------------------------------------|---------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| I     | <b>Lĩnh vực Vật liệu xây dựng (01 TTHC)</b> |                                                      |                     |                                                                                                                                                                                                                                                                                              |                                                                                                                                                                                                                                                                  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |
| 1     | 1.006871.000.00.00.H37                      | Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng | 3 ngày làm việc     | <p>- <b>Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn.</p> <p>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> Sở Xây dựng Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, Phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn</p> | <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</p> <p>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>.</p> | <p>- Thông tư số 04/2023/TTBXD ngày 30/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng;</p> <p>- Thông tư số 10/2024/TTBXD ngày 01/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn về Quản lý chất lượng sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.</p> |

| Số TT      | Mã số hồ sơ TTHC                                  | Tên TTHC                                                                                                                         | Thời hạn giải quyết                                                                                   | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                      | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                                                                                                | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |
|------------|---------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>II</b>  | <b>Lĩnh vực đường bộ (01 TTHC)</b>                |                                                                                                                                  |                                                                                                       |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>2</b>   | 1.000321                                          | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia | 01 ngày làm việc                                                                                      | - <b>Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Lạng Sơn. Địa chỉ: phố Dã Tượng, phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn. | - Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;<br>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;<br>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a> . | - Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ.<br>- Nghị định 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| <b>III</b> | <b>Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị (01 TTHC)</b> |                                                                                                                                  |                                                                                                       |                                                                                                                                                         |                                                                                                                                                                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
| <b>3</b>   | 1.002693.00.00.00.H37                             | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh (đối với cây được bảo tồn)                                                           | 20 ngày làm việc đối với trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc danh mục cây xanh cần bảo tồn | - <b>Cơ quan thực hiện:</b> Sở Xây dựng Lạng Sơn. Địa chỉ: số 12 đường Hùng Vương, Phường Lương Văn Tri, tỉnh Lạng Sơn                                  |                                                                                                                                                                                                                                                    | - Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024;<br>- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.<br>- Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định thẩm quyền quản lý cây xanh đô thị và quản lý công viên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn<br>- Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật |

## B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)

| Số TT                                             | Mã số hồ sơ TTHC       | Tên TTHC                                    | Thời hạn giải quyết                       | Địa điểm thực hiện                                                                                                                                                                     | Cách thức thực hiện                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Căn cứ pháp lý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |
|---------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------|-------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật đô thị (01 TTHC)</b> |                        |                                             |                                           |                                                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 1                                                 | 1.002693.000.00.00.H37 | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh | 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ | <ul style="list-style-type: none"> <li>- <b>Cơ quan tiếp nhận và trả kết quả:</b> Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã</li> <li>- <b>Cơ quan thực hiện:</b> UBND cấp xã</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả trực tiếp;</li> <li>- Tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích;</li> <li>- Tiếp nhận hồ sơ qua dịch vụ công trực tuyến tại địa chỉ <a href="https://dichvucong.gov.vn/">https://dichvucong.gov.vn/</a>.</li> </ul> | <ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn năm 2024;</li> <li>- Nghị định số 258/2025/NĐ-CP ngày 09/10/2025 của Chính phủ về quản lý công viên, cây xanh, mặt nước.</li> <li>- Quyết định số 21/2011/QĐ-UBND ngày 19/12/2011 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc quy định thẩm quyền quản lý cây xanh đô thị và quản lý công viên trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn</li> <li>- Quyết định số 76/2025/QĐ-UBND ngày 24/9/2025 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của các Quyết định của UBND tỉnh Lạng Sơn về lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật</li> </ul> |

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA THUỘC THẨM QUYỀN**  
**GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG, UBND CÁC XÃ TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 2310/QĐ-UBND ngày 31 / 10 /2025 của  
Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)*

**Phần I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH**  
**NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (04 TTHC)**

| Số TT | Tên thủ tục hành chính                                                                                                           | Cơ quan thực hiện |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|
| A     | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)</b>                                                                                     |                   |
| I     | <b>LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG</b>                                                                                                |                   |
| 1     | Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng                                                                             | Sở Xây dựng       |
| II    | <b>LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ</b>                                                                                                         |                   |
| 1     | Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia | Sở Xây dựng       |
| III   | <b>LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ</b>                                                                                          |                   |
| 1     | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.                                                                                     | Sở Xây dựng       |
| B     | <b>THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)</b>                                                                                       |                   |
|       | <b>LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ</b>                                                                                          |                   |
| 1     | Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh.                                                                                     | UBND xã, phường   |

**Phần II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ**  
**TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

**CỤM TỪ VIẾT TẮT**

|                                                      |            |
|------------------------------------------------------|------------|
| - Ủy ban nhân dân tỉnh                               | UBND       |
| - Trung tâm Phục vụ hành chính công:                 | TTPVHCC    |
| - Công chức, viên chức Bộ phận Một cửa               | CCVCMC     |
| - Phòng Quy hoạch - kiến trúc và phát triển đô thị   | QHKT       |
| - Phòng Quản lý xây dựng                             | QLXD       |
| - Phòng Quản lý hạ tầng xây dựng và Giao thông       | QLHT       |
| - Phòng Quản lý nhà                                  | QLN        |
| - Trung tâm kiểm định chất lượng công trình xây dựng | KĐCLCTXD   |
| - Công chức, viên chức Trạm quản lý vận tải cửa khẩu | CCVCTrQLVT |

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)**

**I. LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG (01 TTHC)**

**1. Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc

| TT | Trình tự                                                                                                                                                                                                                                            | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| B1 | - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.<br>- Chuyển hồ sơ lãnh đạo Phòng QLN                                                                                                                             | CCVCMC                | 0,25 ngày                           |
| B2 | Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ                                                                                                                                                                                                                     | Lãnh đạo Phòng QLN    | 0,5 ngày                            |
| B3 | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, ban hành thông báo bằng văn bản cho tổ chức, cá nhân, nêu rõ lý do không tiếp nhận hồ sơ<br>- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, dự thảo Thông báo tiếp nhận hồ sơ cho tổ chức, cá nhân công bố hợp quy. | Chuyên viên QLN       | 1,0 ngày                            |
| B4 | Hoàn thiện hồ sơ, trình lãnh đạo Sở xem xét                                                                                                                                                                                                         | Lãnh đạo Phòng QLN    | 0,5 ngày                            |

| TT | Trình tự                                                                                                                                                                                                                     | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| B5 | Lãnh đạo Sở xem xét:<br>- Trường hợp Hồ sơ hợp lệ, phù hợp với quy định của pháp luật: ký văn bản Thông báo tiếp nhận Hồ sơ.<br>- Trường hợp Hồ sơ không hợp lệ với quy định của pháp luật: ký văn bản không tiếp nhận hồ sơ | Lãnh đạo Sở           | 0,5 ngày                            |
| B6 | Vào sổ, phát hành văn bản.                                                                                                                                                                                                   | Văn thư Sở            | 0,25 ngày                           |
| B7 | Trả kết quả giải quyết TTHC;<br>Thống kê, theo dõi                                                                                                                                                                           | CCVCMC                | Không tính thời gian                |
|    | <b>Tổng thời gian giải quyết</b>                                                                                                                                                                                             |                       | <b>03 ngày làm việc</b>             |

## II. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (01 TTHC)

### 1. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia.

Tổng thời gian thực hiện TTHC: 01 ngày làm việc = 08 giờ

| Số TT | Trình tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|-------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| B1    | - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả. Nhập hồ sơ điện tử.<br>- Chuyển hồ sơ cho Trạm quản lý vận tải cửa khẩu.                                                                                                                                                                                                                                          | CCVCMC                | 01 giờ                              |
| B2    | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ khi được phân công thụ lý.<br>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: xây dựng dự thảo văn bản (kết quả TTHC). | CCVCTrQLVT            | 04 giờ                              |
| B3    | Xem xét, xử lý văn bản (kết quả TTHC) của CCVCTrQLVT, trình lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | Lãnh đạo TrQLVT       | 1,5 giờ                             |

| Số TT                           | Trình tự                                                    | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|---------------------------------|-------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| B4                              | Duyệt hồ sơ, ký văn bản xử lý                               | Lãnh đạo Sở           | 1,5 giờ                             |
| B5                              | - Trả kết quả cho tổ chức các nhân.<br>- Thống kê, theo dõi | CCVCMC                | Không tính thời gian                |
| <b>Tổng thời gian thực hiện</b> |                                                             |                       | <b>08 giờ</b>                       |

### III. LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ (01 TTHC)

#### 1. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

Tổng số thời gian thực hiện: 20 ngày làm việc đối với đối với trường hợp chặt hạ, dịch chuyển cây xanh thuộc danh mục cây xanh cần bảo tồn.

| Số TT | Trình tự                                                                                                                                                                                                                           | Trách nhiệm thực hiện | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|-------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
| B1    | - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập hồ sơ điện tử;<br>- Chuyển hồ sơ cho Phòng chuyên môn.                                                                                                         | CCVCMC                | 0,5 ngày                            |
| B2    | Xem xét, phân công thụ lý hồ sơ                                                                                                                                                                                                    | Lãnh đạo Phòng QLHT   | 01 ngày                             |
| B3    | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức trong thời hạn không quá 05 ngày, nêu rõ lý do;<br>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: Xây dựng dự thảo văn bản (kết quả giải quyết). | Công chức Phòng QLHT  | 14,5 ngày                           |
| B4    | Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản của chuyên viên, trình lãnh đạo Sở                                                                                                                                                                | Lãnh đạo Phòng QLHT   | 02 ngày                             |
| B5    | Xem xét hồ sơ trình, ký duyệt văn bản                                                                                                                                                                                              | Lãnh đạo Sở           | 01 ngày                             |
| B6    | Đóng dấu, phát hành văn bản, chuyển kết quả giải quyết cho Công chức TN&TKQ                                                                                                                                                        | Văn thư Sở            | 01 ngày                             |
| B7    | - Trả kết quả giải quyết;<br>- Thống kê, theo dõi.                                                                                                                                                                                 | CCVCMC                | Không tính thời gian                |
|       | <b>Tổng thời gian giải quyết</b>                                                                                                                                                                                                   |                       | <b>10 ngày làm việc</b>             |

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (01 TTHC)**  
**LĨNH VỰC HẠ TẦNG KỸ THUẬT ĐÔ THỊ**

**1. Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh**

Tổng thời gian thực hiện TTHC: không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

| Số TT                            | Trình tự                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | Trách nhiệm thực hiện          | Thời gian thực hiện (ngày làm việc) |
|----------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------|-------------------------------------|
| B1                               | - Tiếp nhận hồ sơ và ghi giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả, nhập hồ sơ điện tử;<br>- Chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo phòng Kinh tế cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                                    | CCMC                           | 0,5 ngày                            |
| B2                               | Phân công xử lý hồ sơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã  | 0,5 ngày                            |
| B4                               | Thẩm định hồ sơ:<br>- Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn 02 ngày, nêu rõ lý do.<br>- Trường hợp hồ sơ cần giải trình và bổ sung thêm, soạn thảo văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân trong thời hạn không quá 02 ngày kể từ ngày chuyên viên được giao nhiệm vụ.<br>- Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu, thực hiện bước tiếp theo. | Công chức Phòng Kinh tế cấp xã | 07 ngày                             |
| B5                               | Xem xét văn bản xử lý, trình Lãnh đạo UBND cấp xã                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã  | 01 ngày                             |
| B6                               | Duyệt hồ sơ, ký duyệt văn bản, chuyển công chức tại TTPVHCC                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | Lãnh đạo UBND cấp xã           | 0,5 ngày                            |
| B7                               | Phát hành văn bản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | Văn thư UBND cấp xã            | 0,5 ngày                            |
| B8                               | Trả kết quả giải quyết TTHC; Thống kê, theo dõi.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | CCMC                           | Không tính thời gian                |
| <b>Tổng thời gian giải quyết</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |                                | <b>10 ngày làm việc</b>             |